

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 12-09-2024  
V/v: Yêu cầu không công nhận vợ  
chồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Hưng

Ông Lương Khăm Niên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Quốc Át - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phang Thị N, sinh năm 1980. (Có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Lương Khăm P, sinh năm 1979. (Vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do)

Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lê Công T Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phang Thị N trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Phang Thị N và anh Lương Khăm P tìm hiểu nhau được một thời gian thì tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương

vào năm 2003. Chị **N** và anh **P** đã được chính quyền địa phương vận động để đi đăng ký kết hôn nhưng do bản thân hiểu biết pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng sâu vùng xa nên hai vợ chồng không coi trọng việc đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung chị **N** và anh **P** sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2008. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, chị **N** và anh **P** tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống phát sinh quá nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau thường xuyên, xúc phạm nhau thậm tệ, anh **P** không quan tâm chăm lo đến gia đình, thường xuyên uống rượu say đúi đánh chị **N** và các con ra khỏi nhà, từ năm 2008 chị **N** đưa các con đi ra ở riêng không chung sống với anh **P**. Nay chị **N** không còn tình cảm với anh **P**, nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị **N** và anh **P** là vợ chồng.

- Về con chung: Chị **N** và anh **P** có 02 con chung tên cháu là **Lương Thị Thanh N1**, sinh năm 2003 và cháu **Lương Thị Thanh M**, sinh năm 2006, các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N** chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại **UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An** đã cung cấp nội dung như sau:

Chị **Phang Thị N** với anh **Lương Khăm P** quá trình kiểm tra trên hệ thống dữ liệu quốc gia và hồ sơ lưu trữ hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã **N** thì không có thông tin đăng ký kết hôn. Chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P** có đăng ký hộ khẩu tại bản Canh, xã **N, huyện T, tỉnh Nghệ An** và có 02 con chung các cháu tên là **Lương Thị Thanh N1**, sinh năm 2003 và cháu **Lương Thị Thanh M** sinh năm 2006 hiện nay các cháu đang ở với chị **Phang Thị N** và chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P** hiện nay đã ly thân với nhau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị **Phang Thị N**. Về con chung: Có 02 con chung tên cháu là **Lương Thị Thanh N1**, sinh năm 2003 và cháu **Lương Thị Thanh M**, sinh năm 2006, các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chưa yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết

Về án phí: Chị **Phang Thị N** là người đồng bào dân tộc thiểu số cứ trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phang Thị N** cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P**; Về con chung cháu **Lương Thị Thanh N1**, sinh năm 2003 và cháu **Lương Thị Thanh M**, sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh **P**; Về tài sản chung, nợ chung: Chị **N** chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình cho chị **Phang Thị N**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh **Lương Khăm P** có hộ khẩu thường trú tại **bản C, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P** thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng khoảng 3 đến 4 tháng mới về nhà và có liên lạc với gia đình, do đó có căn cứ khẳng định bị đơn cố tình dấu địa chỉ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tình trạng hôn nhân: Chị **N** và anh **P** tự tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị **N** và anh **P** không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tài liệu do tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P** chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003. Tại thời điểm chung sống chị **N** và anh **P** đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai người chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị **N** và anh **P** quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ. Hiện nay chị **N** và anh **P** đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt nên căn cứ điều 9, điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình thì không xác định chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P** là vợ chồng, việc chị **Phang Thị N** yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh **Lương Khăm P** là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: anh **P** và chị **N** có 02 con chung tên cháu là **Lương Thị Thanh N1**, sinh năm 2003 và cháu **Lương Thị Thanh M**, sinh năm 2006, cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải. Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị **Phang Thị N** chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình cho chị **Phang Thị N**.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp.

*Tuyên xử:*

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Phang Thị N** và anh **Lương Khăm P**.

2. Về con chung:

- Các cháu **Lương Thị Thanh N1**, sinh năm 2003 và cháu **Lương Thị Thanh M**, sinh năm 2006 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Anh **P** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở;

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh **P**.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị **Phang Thị N** chưa yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật

4. Án phí: Chị **Phang Thị N** là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H. Tương Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga My;
- Chi cục THADS H. Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Moong Công Hải**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hưng      Lương Khăm Niên**

**Moong Công Hải**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Moong Công Hải**